



jié cháng

结肠

noun · colon (anatomy)

Example Sentences

jié cháng shì dà cháng de yī bù fēn
结肠是大肠的一部分。

The colon is part of the large intestine.

yī shēng jiàn yì tā zuò jié cháng jiǎn chá
医生建议他做结肠检查。

The doctor recommended he get a colon exam.

Trace each character, then write the word on your own.

结	结	结	结	结	结	结	结	结	结	结
结										

肠	肠	肠	肠	肠	肠	肠	肠	肠	肠	肠
